

Sa Long, ngày 06 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 402/QĐ-PGD ngày 29 tháng 12 năm 2024 của phòng Giáo Dục & Đào Tạo V/v giao dự toán chi ngân sách cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2025

Căn cứ Quyết định số: 404/QĐ-PGD ngày 29/12/2024 V/v Giao dự toán cho các đơn vị trường để thực hiện chính sách theo nghị định 116/2016/NĐ – CP ngày 18/7/2016 của chính phủ, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, chính sách hỗ trợ theo nghị định 105/2020/NĐ – CP ngày 08/09/2020 của chính phủ, chính sách hỗ trợ theo quy định tại nghị định 81/2021/NĐ – CP ngày 27/8/2021 của chính phủ, và chính sách hỗ trợ học tập HS dân tộc rất ít người theo nghị định 57/2017/NĐ –CP 4 tháng cuối năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025.

Trường PTDTBT TH Sa Long báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025:

1. Nội dung công khai:

Công khai thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước quý I theo biểu số 3 - Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai: Công khai trên địa chỉ <https://muongcha.edu.vn>

3. Thời điểm công khai: Ngày 06/7/2025.

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025:

1. Phần thu:

Dự toán thu học phí giao đầu năm 2025: 0 đồng

2. Phần chi:

2.1. Kinh phí chi quản lý hành chính

a. Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 0 đồng, đạt 0% so với dự toán giao và tăng 0% so với cùng kỳ năm 2025

b. Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 0 đồng

2.2. Kinh phí sự nghiệp giáo dục

a. Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 9.897,418 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: - 1.882,00 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 2.649,171 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 2.649,171 đồng, đạt 0,0268% so với dự toán giao, tăng 47,87% so với cùng kỳ quý I.

b. Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 58,930 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 1.442,310 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 1.119,418 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 1.442,310 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 988,005 đồng, đạt 35,1234 % so với dự toán giao và tăng 58,77 % so với cùng kỳ quý I.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2025 của Trường PTDTBT TH Sa Long.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



Lê Xuân Vỹ

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sa Lông, ngày 6 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường PTDTBT tiểu học Sa Lông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/3 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
	Học Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp sự nghiệp Giáo dục				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.710,372	3.637,176	28,6158%	106,64%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.710,372	3.637,1760	28,6158%	106,64%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.897,418	2.649,1710	26,7663%	47,87%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.812,954	988,01	35,1234%	58,77%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				